

Số: 1048 /SYT-NVY

Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2019

V/v thực hiện Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030.

Kính gửi:

- Giám đốc các Bệnh viện, các Trung tâm Y tế trực thuộc;
- Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Cao su Đồng Nai;
- Giám đốc các Bệnh viện ngoài công lập.

Căn cứ Công văn số 2490/UBND-KGVX ngày 08/3/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Sở Y tế sao gửi Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030 đến các đơn vị đề biết và thực hiện.

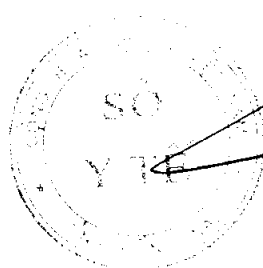
(Quyết định đính kèm)

Đề nghị Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện theo đúng quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- BGĐ SYT (để báo cáo);
- Website SYT;
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

BỘ Y TẾ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 718/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2019

QUẢN LÝ ĐỒNG NAI	
Số: 1138A	ĐẾN
Ngày: 04/03/19	

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt Đề án tiếp tục đẩy mạnh,
mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa
và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-TTg, ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 818/QĐ-BYT ngày 12/3/2015 của Bộ Y tế về việc xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản tại khu vực thành thị và nông thôn phát triển giai đoạn 2015-2020

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030, với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Tăng cường khả năng tiếp cận phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nhóm dân cư có nhu cầu và có khả năng chi trả; chú trọng dự phòng, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng theo phương thức xã hội hóa và huy động, sử dụng có hiệu

quả các nguồn lực xã hội góp phần giảm gánh nặng ngân sách nhà nước, tăng tính bền vững của công tác dân số và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

1.2. Mục tiêu cụ thể

(1) Tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng xã hội hóa phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản; chú trọng dự phòng, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung tại cộng đồng phù hợp với nhu cầu và khả năng chi trả của người dân theo phân khúc thị trường.

* Các chỉ báo cần đạt được đến 2025 tại địa bàn triển khai Đề án:

- Ít nhất 90% người dân có nhu cầu hiểu biết về phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dự phòng, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung;

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có nhu cầu, được tư vấn và sử dụng biện pháp tránh thai, sản phẩm và dịch vụ phòng ngừa, phát hiện, xử lý nhiễm khuẩn đường sinh sản;

- Ít nhất 90% người dân có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ sức khỏe tình dục;

- Ít nhất 30% phụ nữ từ 30-54 tuổi có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ sàng lọc, dự phòng ung thư cổ tử cung;

- Ít nhất 30% số phụ nữ trên 40 tuổi có nhu cầu được tư vấn, cung cấp sản phẩm và dịch vụ sàng lọc, dự phòng ung thư vú.

(2) Tiếp tục huy động các tổ chức, đơn vị, tư nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, sản xuất, phân phối, cung ứng sản phẩm và dịch vụ có chất lượng góp phần tăng sự lựa chọn, sử dụng của nhóm dân cư có khả năng chi trả về phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản; dự phòng, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung.

* Các chỉ báo cần đạt được đến 2025 tại địa bàn Đề án:

- Đạt ít nhất 40% thị phần trong thị trường tổng thể phương tiện tránh thai được cung ứng thông qua Đề án

- Tăng thêm ít nhất 5 sản phẩm phương tiện tránh thai, 10 sản phẩm chăm sóc sức khỏe sinh sản theo mục tiêu Đề án.

- Tăng thêm ít nhất 10 tổ chức, đơn vị, tư nhân tham gia đầu tư, sản xuất, phân phối, cung ứng sản phẩm và dịch vụ có chất lượng của Đề án.

- 100% cơ quan dân số cấp tỉnh, huyện trực tiếp quản lý, điều phối và tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ của Đề án.

- 90% cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản, cán bộ quản lý, người tham gia cung ứng sản phẩm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về các nội dung Đề án và trực tiếp tham gia phân phối sản phẩm và một số hoạt động trong cung cấp dịch vụ đã được quy định của Đề án.

- 100% cơ sở y tế đủ điều kiện tham gia Đề án được bổ sung, hỗ trợ trang thiết bị đạt chuẩn để triển khai dịch vụ kỹ thuật.

- 100% người cung cấp dịch vụ, cán bộ quản lý của cơ sở y tế đủ điều kiện tham gia Đề án được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyển giao kỹ thuật và tổ chức phân phối sản phẩm và cung cấp dịch vụ của Đề án.

(3) Các chỉ báo đến năm 2030: Trên cơ sở tổng kết, đánh giá những hoạt động, nội dung, kết quả thực hiện đến năm 2025 để xác định mục tiêu cụ thể và các chỉ báo của Đề án đến năm 2030.

2. Phạm vi, đối tượng và thời gian thực hiện Đề án

2.1. Phạm vi thực hiện: Đề án được triển khai trên phạm vi toàn quốc

- Giai đoạn 2019-2025: Tập trung tại khu vực thành thị, khu vực nông thôn phát triển và địa bàn ưu tiên khác của các nhà tài trợ.

- Giai đoạn 2026-2030: Từng bước mở rộng ra các địa bàn khác.

2.2. Đối tượng của Đề án

- Đối tượng thụ hưởng:

Phụ nữ, nam giới, vị thành niên, thanh niên, người cao tuổi, là những người có nhu cầu và khả năng chi trả được thông tin, tư vấn, chuyển đổi hành vi và được chăm sóc, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ cung cấp trong Đề án.

- Đối tượng tác động:

+ Cán bộ y tế, đặc biệt là các cơ sở y tế chuyên ngành sản-phụ khoa, ung thư; cơ sở cung ứng phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản được cung cấp, trang bị kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ và tham gia cung ứng sản phẩm và dịch vụ chăm sóc.

+ Hệ thống dân số tuyến tỉnh/huyện, đặc biệt là cán bộ chuyên trách dân số, cộng tác viên dân số, y tế thôn bản được tập huấn, cung cấp kiến thức, kỹ năng để trực tiếp tham gia cung cấp sản phẩm và triển khai những hoạt động, nội dung phù hợp trong các dịch vụ kỹ thuật chăm sóc tại cộng đồng.

+ Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị, tư nhân sản xuất, phân phối cung ứng phương tiện tránh thai, hàng hóa, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản để huy động bổ sung nguồn lực cho công tác dân số.

2.3. Thời gian thực hiện Đề án: Từ năm 2019 đến năm 2030.

- Giai đoạn 1: Từ năm 2019-2025.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2026-2030.

3. Các nhiệm vụ và hoạt động chủ yếu của Đề án

3.1. Tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin tạo môi trường xã hội đồng thuận thúc đẩy xã hội hóa, phát triển thị trường phương tiện tránh thai, hàng hóa sức khỏe sinh sản, thị trường cung cấp dịch vụ và triển khai Đề án

- Thường xuyên cung cấp thông tin, tư vấn trực tiếp tại cộng đồng; tổ chức các sự kiện truyền thông về xã hội hóa, nội dung và sản phẩm, dịch vụ, tập trung cho sản phẩm, dịch vụ mới của Đề án.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề, cung cấp thông tin cho lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đoàn thể về lợi ích, sự cần thiết của xã hội hóa; ban hành chính sách, huy động nguồn lực, phối hợp tham gia thực hiện Đề án.

- Sản xuất và phát hành các loại tài liệu, tờ rơi, sách mỏng.

- Sản xuất và phát sóng các phóng sự, phim, tiểu phẩm, kịch truyền hình, truyền thanh.

- Xây dựng chuyên trang, chuyên đề, bản tin, phóng sự trên báo, tạp chí, website có uy tín về các vấn đề xã hội về các hoạt động của Đề án.

3.2. Xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích xã hội hóa và phát triển sản phẩm, dịch vụ của Đề án

- Rà soát, bổ sung, xây dựng các chính sách khuyến khích xã hội hóa và phát triển sản phẩm, dịch vụ của Đề án. Ban hành các quy định, hướng dẫn thực hiện Đề án.

- Rà soát, bổ sung, xây dựng kế hoạch tổng thể cho từng sản phẩm, dịch vụ của Đề án theo phân khúc thị trường.

- Vận động, khuyến khích nhà đầu tư, nhà tài trợ trong và ngoài nước tham gia hợp tác, hỗ trợ kỹ thuật cung ứng sản phẩm và dịch vụ của Đề án. Thí điểm mô hình khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị tư nhân tham gia sản xuất, nhập khẩu, phân phối, cung ứng sản phẩm, dịch vụ của Đề án.

3.3. Củng cố và mở rộng cung ứng sản phẩm, dịch vụ của Đề án

a) Phát triển sản phẩm, dịch vụ của Đề án

- Lựa chọn, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới đưa vào triển khai thực hiện. Đánh giá khả năng tiếp cận và chấp nhận sử dụng của người dân.

- Tiến hành đăng ký và đưa vào triển khai trong Đề án những sản phẩm, đặc biệt những sản phẩm có tác dụng phòng, chống ung thư; những giải pháp công nghệ thực hiện đơn giản, có tính cộng đồng cao về sàng lọc, chẩn đoán ung thư vú, ung thư cổ tử cung có hiệu quả, dựa trên nhu cầu, điều kiện của người dân và năng lực của hệ thống cung cấp.

- Bổ sung, xây dựng và ban hành quy trình sàng lọc, chẩn đoán, điều trị và quản lý soát ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng.

- Biên tập, cập nhật và phổ biến các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tư vấn về sản phẩm, dịch vụ mới.

b) Tổ chức cung ứng sản phẩm trong hệ thống dân số

- Tiếp tục triển khai các hoạt động của Đề án 818 giai đoạn 2016-2018.

- Xây dựng và mở rộng mạng lưới cộng tác viên, nhân viên y tế thôn bản, nhà thuốc, chú trọng người đủ năng lực, điều kiện và có nguyện vọng tham gia Đề án.

- Ban hành, cập nhật các chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn phù hợp cho các nhóm đối tượng tham gia Đề án.

- Định kỳ tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và tập huấn kỹ năng theo chương trình, tài liệu và kế hoạch của Đề án.

- Tuyên truyền, tư vấn, cung cấp thông tin về các nội dung chăm sóc và vận động sử dụng sản phẩm tại hộ gia đình và cộng đồng.

- Phân phối các sản phẩm của Đề án tại cộng đồng.

- Định kỳ báo cáo, phản ánh các thông tin của khách hàng theo quy định.

c) Tổ chức cung ứng sản phẩm, dịch vụ tại các cơ sở y tế đủ điều kiện

- Tiếp tục triển khai các hoạt động của Đề án 818 giai đoạn 2016-2018.

- Phát triển các cơ sở y tế tự nguyện và đủ điều kiện tham gia Đề án.

- Tiếp tục mở rộng các dịch vụ KHHGĐ/chăm sóc SKSS; chú trọng phòng chống nhiễm khuẩn, hỗ trợ sức khỏe tình dục, dự phòng, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung.

- Tổ chức đào tạo và đào tạo liên tục kỹ thuật dịch vụ, tập huấn kỹ năng cho người cung cấp dịch vụ.

- Bổ sung trang thiết bị, dụng cụ cho các cơ sở y tế tham gia Đề án theo quy chuẩn.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ tại các cơ sở y tế; huy động các cơ sở y tế phối hợp với mạng lưới dân số-y tế cơ sở tham gia cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.

3.4. Quản lý chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Đề án

- Phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Đề án.

- Rà soát, đề xuất bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn phương tiện tránh thai, hàng hóa sức khỏe sinh sản, sàng lọc ung thư vú và ung thư cổ tử cung.

- Rà soát, đề xuất bổ sung quy trình kỹ thuật, quy trình quản lý sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung tại cộng đồng.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Đề án.

3.5. Nâng cao chất lượng thông tin quản lý và hệ thống hậu cần của Đề án

- Định kỳ thu thập thông tin, nghiên cứu thị trường về nhu cầu sử dụng từng sản phẩm, dịch vụ và kênh phân phối theo phân khúc thị trường. Điều tra thông tin cơ bản, điều tra đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ Đề án.

- Xây dựng và hoàn thiện quy trình nghiệp vụ về thu thập, lưu trữ, xử lý và công bố thông tin quản lý và hệ thống hậu cần của Đề án.

- Phân tích, khảo sát và thiết kế hệ thống; phát triển phần mềm; quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu điện tử thông tin quản lý và hệ thống hậu cần của Đề án. Hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cho tuyến dưới.

- Tập huấn, hỗ trợ phần mềm, thiết bị tin học phù hợp cho các điểm thu tin.

- Tổ chức hệ thống hậu cần theo hướng tích hợp hệ thống hậu cần của Đề án với hệ thống phân phối của các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị, tư nhân tham gia Đề án.

- Rà soát, bổ sung trang thiết bị các kho bảo quản sản phẩm của Đề án.

3.6. Quản lý, giám sát

- Thí điểm và từng bước triển khai bộ công cụ giám sát, đánh giá thống nhất.

- Tổ chức khảo sát, học tập trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước.

- Tổ chức các hội nghị vận động, triển khai kế hoạch, sơ kết, tổng kết.

- Kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật.

4. Các giải pháp thực hiện Đề án

4.1. Giải pháp kỹ thuật

- Lựa chọn sản phẩm, dịch vụ đưa vào Đề án phải đáp ứng nhu cầu người dân, phù hợp với các nhiệm vụ, mục tiêu Đề án, thuộc danh mục của Bộ Y tế và do các tổ chức, đơn vị, tư nhân có tư cách pháp nhân đủ năng lực thực hiện.

- Hỗ trợ sản xuất phương tiện tránh thai, hàng hóa sức khỏe sinh sản mới tại Việt Nam: Căn cứ vào nhu cầu đa dạng của người dân, mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, Ban quản lý Đề án tổ chức vận động, khuyến khích, hỗ trợ những tổ chức, đơn vị, tư nhân có khả năng, đủ điều kiện tham gia sản xuất sản phẩm tại Việt Nam để phân phối trong Đề án. Chú trọng những sản phẩm có nhu cầu cao, cần thiết, nhưng còn thiếu hoặc đang được sản xuất tại nước ngoài.

4.2. Giải pháp về quản lý

Phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các bên tham gia thực hiện Đề án. Cơ quan dân số, cơ sở y tế đủ điều kiện, các tổ chức, đơn vị, tư nhân triển khai phân

phối sản phẩm, cung ứng dịch vụ của Đề án theo nhiệm vụ, phân cấp và được hưởng các chi phí theo quy định.

Tổ chức, đơn vị, tư nhân tham gia sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ vào Đề án được hỗ trợ, có ưu đãi đối với sản phẩm, dịch vụ mới được tuyển chọn, nhất là nhận diện thương hiệu, nhập khẩu và đăng ký lưu hành (nếu cần); phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hiệu quả kinh doanh.

Các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ kỹ thuật, kinh phí triển khai cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa, dịch vụ trong phạm vi triển khai của Đề án.

Hỗ trợ phân phối sản phẩm và dịch vụ của Đề án được xác định theo nội dung công việc từ Ban quản lý Đề án trung ương đến các đơn vị phân phối trung gian và người sử dụng.

Xác định mức chi phí hoặc khung chi phí phân phối cho từng sản phẩm, dịch vụ và cho từng cấp phân phối sản phẩm và dịch vụ của Đề án.

4.3. Giải pháp huy động nguồn lực

a) Huy động nhân lực

- Lãnh đạo, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật của các cơ quan y tế, dân số tại địa bàn được huy động tham gia thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Lãnh đạo, người cung cấp dịch vụ của các cơ sở tham gia sản xuất, phân phối sản phẩm, cung ứng dịch vụ của Đề án. Ngoài ra, căn cứ vào từng hoạt động, từng giai đoạn, từng địa bàn, cơ quan quản lý Đề án địa phương sẽ huy động nhân lực tại chỗ tham gia thực hiện Đề án.

- Đối với cấp thôn, bản: cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản tiếp tục được huy động tham gia tuyên truyền, vận động, tư vấn và phân phối sản phẩm của Đề án; huy động các nhà thuốc, cửa hàng tiện lợi tham gia.

- Đối với cấp xã (Trạm y tế, phòng khám sản phụ khoa, cơ sở y tế tư nhân): huy động các bác sỹ và nhân viên y tế của các cơ sở y tế tham gia phân phối sản phẩm và cung cấp dịch vụ của Đề án theo phân cấp.

- Đối với cấp huyện/tỉnh: huy động các bác sỹ và nhân viên y tế của cơ sở y tế đủ điều kiện tham gia cung cấp đầy đủ các sản phẩm và dịch vụ của Đề án. Hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tham gia cung cấp dịch vụ tại cộng đồng.

b) Huy động vốn đầu tư

- Các nguồn vốn được huy động bao gồm: ngân sách trong nước trung ương, địa phương; nguồn ngoài nước, nguồn vốn của nhà đầu tư; các nguồn vốn huy động hợp pháp khác và từ người sử dụng tự chi trả.

- Thực hiện thu phí dịch vụ y tế, bao gồm cả phí tư vấn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế- xã hội của từng vùng, địa phương trong từng giai đoạn.

- Đối với các nguồn vốn huy động hợp pháp, Ban Quản lý Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ, cho phép vay ưu đãi, bảo lãnh vay thương mại, tạo cơ chế, chính sách thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, tư nhân thuộc các thành phần kinh tế chủ động trong việc bố trí và huy động nguồn vốn hợp pháp để tham gia thực hiện Đề án.

- Nguồn ngân sách trong nước để hỗ trợ xây dựng và thực hiện chính sách, truyền thông, chi phí quản lý, điều hành Đề án.

c) Quản lý vốn đầu tư: Việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư triển khai các hoạt động của Đề án theo Luật ngân sách nhà nước và của nhà tài trợ.

5. Nguồn vốn thực hiện Đề án

a) Dự kiến tổng nguồn vốn đến 2025

- Tổng nguồn vốn tối thiểu thực hiện Đề án: 795.000 triệu đồng.
- Chia ra: + Vốn ngân sách trong nước Trung ương: 70.000 triệu đồng.
 - + Vốn ngân sách trong nước địa phương: 278.000 triệu đồng.
 - + Vốn huy động hợp pháp khác: 447.000 triệu đồng.

b) Giai đoạn 2026-2030: Sẽ được xác định trên cơ sở kết quả thực hiện giai đoạn 2019-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2026-2030.

6. Cơ chế quản lý và điều hành Đề án

Cơ chế quản lý và điều hành của Đề án thực hiện theo các quy định của pháp luật để thực hiện chức năng điều phối có hiệu quả các nguồn vốn và điều hành các tổ chức, đơn vị, tư nhân tham gia Đề án; thẩm tra các đề xuất, kế hoạch hoạt động; tổ chức triển khai các hoạt động; kiểm tra, giám sát hỗ trợ kỹ thuật. Trong đó Trung ương thực hiện vai trò hướng dẫn, tạo cơ chế chính sách, huy động nguồn vốn đầu tư nguồn lực, quản lý và giám sát hỗ trợ kỹ thuật. Địa phương chủ động, tích cực bổ sung cơ chế chính sách, huy động nguồn nhân lực và tổ chức thực hiện Đề án.

Tại trung ương, Tổng cục Dân số là cơ quan thường trực; Duy trì và mở rộng Ban quản lý Đề án (trên cơ sở Ban quản lý Đề án 818) gồm đủ các thành phần, đủ năng lực; thành lập Hội đồng chuyên môn Đề án bao gồm các thành viên từ cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn, các nhà đầu tư và các chuyên gia đầu ngành để đảm bảo tính hiệu quả, hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và nhà đầu tư.

Tại địa phương, Sở Y tế, Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình là cơ quan chủ trì Ban điều hành Đề án cấp tỉnh. Lãnh đạo Sở Y tế làm Trưởng Ban, Chi cục trưởng là Phó Ban thường trực, thành viên là các đơn vị có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Đề án

a) Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình

- Chủ trì và chịu trách nhiệm thực hiện Đề án; phối hợp với các Vụ/đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án.
- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành các thủ tục tiếp nhận và sử dụng các nguồn lực, hỗ trợ kỹ thuật cho Đề án.
- Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo Lãnh đạo Bộ Y tế.
- Chủ trì xây dựng, trình Bộ Y tế các văn bản, hướng dẫn để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành; tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để trình cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung.
- Chủ trì, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các văn bản, hướng dẫn xã hội hóa trong lĩnh vực Dân số-Kế hoạch hóa gia đình.
- Trên cơ sở Đề án được duyệt, xây dựng, điều chỉnh kịp thời danh mục chi tiết các dự án đầu tư liên quan (nếu có) trình Bộ Y tế phê duyệt và công bố theo quy định.

b) Vụ Kế hoạch-Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình báo cáo Bộ Kế hoạch-Đầu tư, Bộ Tài chính để cân đối và phân bổ nguồn lực cho Đề án; cơ chế, chính sách thực hiện Đề án; hướng dẫn triển khai đề án.
- Phối hợp với Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình, trên cơ sở khả năng ngân sách nhà nước, hàng năm bố trí ngân sách thực hiện Đề án; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan.
- Chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch phù hợp, bố trí vốn nhà nước cho các dự án hợp tác công tư thuộc lĩnh vực Dân số-Kế hoạch hóa gia đình; các nội dung liên quan đến công tác quy hoạch thuộc lĩnh vực Dân số-Kế hoạch hóa gia đình.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo chức năng nhiệm vụ.

c) Vụ Sức khỏe Bà mẹ-Trẻ em

- Phối hợp với Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tham gia thực hiện Đề án trong phạm vi nhiệm vụ được giao.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo chức năng nhiệm vụ.

d) Vụ Pháp chế

- Chủ trì thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật trước khi ban hành có liên quan đến việc triển khai Đề án (nếu có).
- Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo chức năng nhiệm vụ.

đ) Các cơ quan trực thuộc Bộ

- Theo phạm vi quản lý, các Vụ, Cục, cơ quan tham mưu thuộc Bộ Y tế chủ động phối hợp với Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình nghiên cứu triển khai có hiệu quả Đề án.

- Trong quá trình quản lý thực hiện, ngoài việc tuân thủ Quyết định này, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện theo các quy định hiện hành. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, báo cáo Bộ Y tế xử lý kịp thời.

e) Ủy ban Nhân dân các tỉnh/thành phố

- Huy động nguồn lực và khai thác lợi thế của địa phương.

- Lồng ghép có hiệu quả các hoạt động của Đề án với các hoạt động của các Chương trình/dự án khác có liên quan đang thực hiện trên cùng địa bàn đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

- Chỉ đạo Sở Y tế, Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình tổ chức thực hiện Đề án theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án tại địa phương theo kế hoạch định kỳ và đột xuất (nếu có).

- Thực hiện chế độ báo cáo thực hiện Đề án theo quy định hiện hành.

f) Các công ty, doanh nghiệp, tổ chức tham gia cung cấp hàng hóa, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, SKSS, sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung

- Phối hợp với Tổng cục Dân số, Ban quản lý Đề án tham gia thực hiện các nội dung xã hội hóa PTTT và dịch vụ KHHGĐ/SKSS; sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

- Thực hiện cung cấp, phân phối, quản lý các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ KHHGĐ/SKSS; sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung đảm bảo chất lượng và theo quy định của pháp luật.

g) Các cơ quan thông tin đại chúng

- Phối hợp với Tổng cục Dân số, Ban quản lý Đề án tăng cường truyền thông các nội dung xã hội hóa phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản.

- Tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết và nâng cao chất lượng tuyên truyền về xã hội hóa phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản tại các địa bàn triển khai Đề án trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục.

h) Các đoàn thể và tổ chức thành viên của Mặt trận tổ quốc Việt Nam

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai Đề án; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về xã hội hóa phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe

sinh sản trong tổ chức mình; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, quản lý nhà nước, giám sát việc thực hiện pháp luật về xã hội hóa phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản.

i) Hợp tác quốc tế

Tổng cục Dân số, Ban quản lý Đề án trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tăng cường hợp tác quốc tế đa phương, song phương với các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước về xã hội hóa phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản nhằm thực hiện học tập kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ và tranh thủ nguồn lực hỗ trợ về xã hội hóa phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

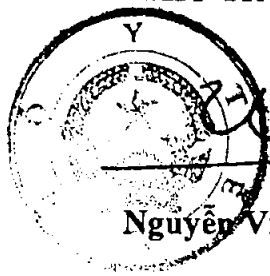
Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp, các hoạt động, nhiệm vụ đã triển khai thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực: Thực hiện theo quy định tại Quyết định 818/QĐ-BYT ngày 12/3/2015 của Bộ Y tế về việc xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản tại khu vực thành thị và nông thôn phát triển giai đoạn 2015-2020 và theo các quy định hiện hành.

Điều 5. Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng Bộ, Tổng cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình, Vụ Kế hoạch-Tài chính, Vụ Sức khỏe Bà mẹ-Trẻ em, Vụ Pháp chế, và Thủ trưởng các Vụ, Cục, cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, Tài chính;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh, TP;
- Sở Y tế, Chi cục DS-KHHGĐ các tỉnh, TP;
- Công Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ;
- Lưu: VT, KHTC (02b), TCDS (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Việt Tiến